

DÙNG BẢNG NGUỒN VÀ SỬ DỤNG

TRONG ĐÁNH GIÁ TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ SO SÁNH

Nguyễn Bích Lâm
Viện Khoa học Thống kê

1. Cấu trúc của bảng Nguồn và Sử dụng (The supply and use table - SUT)

Về lý thuyết, chỉ tiêu GDP theo giá thực tế được tính theo ba phương pháp và cho cùng một kết quả: phương pháp sản xuất; phương pháp sử dụng và phương pháp thu nhập. Dưới dạng đồng nhất thức, ba phương pháp tính GDP theo giá thực tế được viết như sau:

$$\begin{aligned} \text{GDP} &= O - I + T \\ &= C + G + K + X - M \\ &= \text{COE} + \text{CFC} + \text{TP} + \text{OS} \quad (1) \end{aligned}$$

Ở đây ký hiệu:

O: Giá trị sản xuất theo giá cơ bản;

I: Chi phí trung gian (theo giá sử dụng)

T: Thuế trừ trợ cấp đánh vào sản phẩm⁽¹⁾

C: Chi tiêu dùng của hộ gia đình;
 G: Chi tiêu dùng của chính phủ;
 K: Tích lũy tài sản;
 X: Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ;
 M: Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ;
 COE: Thu nhập của người lao động;
 CFC: Khấu hao tài sản cố định;
 TP: Thuế trừ đi trợ cấp sản xuất
 OS: Thặng dư.

Trong đồng nhất thức (1), hiệu số giữa giá trị sản xuất theo giá cơ bản và chi phí trung gian theo giá sử dụng (O- I) mô tả giá trị tăng thêm theo giá cơ bản. Giá trị tăng thêm này cộng với tất cả các loại thuế đánh vào sản phẩm và trừ đi trợ cấp sản phẩm biểu thị GDP theo giá sử dụng. Tiêu dùng cuối cùng và tích lũy đánh giá theo giá sử dụng, xuất và nhập khẩu hàng hoá đánh giá theo giá FOB⁽²⁾, xuất và nhập khẩu dịch vụ đánh giá theo giá giao dịch, khi đó GDP bên sử dụng đánh giá theo giá sử dụng.

Đánh giá GDP theo giá so sánh chỉ áp dụng được hai phương pháp đầu tiên, phương pháp thứ ba (phương pháp thu nhập) không thể áp dụng vì các thành phần cấu thành của phương pháp này (thu nhập của người lao động; khấu hao tài sản cố định; thuế sản xuất và thặng dư) không thể phân tích thành hai yếu tố: giá và lượng.

Viết lại đồng nhất thức (1) theo hai phương pháp sản xuất và sử dụng có dạng sau:

$$O - I + T = \text{GDP} = C + G + K + X - M \quad (2)$$

Cộng chi phí trung gian (I) và nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ (M) vào hai vế của đồng nhất thức (2), nhận được đồng

nhất thức sau:

$$O + M + T = I + C + G + K + X \quad (3)$$

Vế trái của đồng nhất thức (3) biểu thị nguồn hàng hóa và dịch vụ và vế phải mô tả sử dụng hàng hóa và dịch vụ của toàn bộ nền kinh tế. Tổng nguồn được định nghĩa bằng tổng sản lượng của tất cả các đơn vị sản xuất thường trú của nền kinh tế tạo ra (O) cộng với nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ (M) và cộng với tất cả các loại thuế đánh vào sản phẩm và trừ đi trợ cấp sản phẩm (T). Tổng nguồn bằng tổng sử dụng (biểu thị bên vế phải của đồng nhất thức) được định nghĩa bằng tổng của chi phí trung gian (I) của tất cả các đơn vị sản xuất thường trú cộng chi tiêu dùng của hộ gia đình (C) cộng chi tiêu dùng của chính phủ (G) cộng tích lũy tài sản (K) và cộng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ (X).

Tùy thuộc vào mục đích sử dụng của SUT, sản lượng sản xuất trong nước (bên nguồn) và chi phí trung gian (bên sử dụng) đồng thời với phân theo ngành kinh tế các cột này còn được phân theo các nhóm như: nhóm sản phẩm vật chất; nhóm dịch vụ thị trường; nhóm dịch vụ phi thị trường. Hoặc sản lượng sản xuất trong nước và chi phí trung gian còn được phân theo nhóm thị trường; nhóm phi thị trường, nhóm này còn chia ra để tự tiêu dùng và khác⁽³⁾.

Tổng giá trị bên nguồn trước hết được biểu thị theo giá cơ bản và theo loại đơn vị sản xuất cung cấp sản phẩm: sản phẩm do các đơn vị sản xuất thường trú cung cấp (O) và các đơn vị không thường trú cung cấp (M). Tổng nguồn theo giá cơ bản (O + M)⁽⁴⁾ sau đó điều chỉnh để nhận được tổng nguồn theo giá sử dụng bằng cách cộng thêm giá

trị của phí vận tải, thương nghiệp vào hàng hoá (bao gồm cả hàng nhập khẩu) và tất cả các loại thuế đánh vào sản phẩm và trừ đi trợ cấp sản phẩm (T). Trong bảng 1, điều chỉnh thương nghiệp và vận tải được ký hiệu là đc(b) và nhận giá trị là 78. Vì tổng sử dụng luôn đánh giá theo giá sử dụng nên cần phải có bước điều chỉnh này để tổng nguồn bằng tổng sử dụng.

Bên sử dụng, sản phẩm được đánh giá theo mục đích sử dụng: dùng cho chi phí trung gian trong sản xuất (I) và cho nhu cầu cuối cùng (tiêu dùng cuối cùng (C+G); tích lũy tài sản (K) và xuất khẩu (X)).

Trong tài khoản quốc gia, chi tiêu dùng trực tiếp của cư dân thường trú ở nước ngoài được coi là nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ và đưa vào tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình, đồng thời chi tiêu của cư dân không thường trú tại thị trường trong nước được coi là xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ.

2. Đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh qua bảng Nguồn và Sử dụng

Để áp dụng SUT trong đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh bằng phương pháp sản xuất cần phải lập SUT theo giá cơ bản và biên soạn hệ thống chỉ số giá bao gồm: chỉ số giá sản xuất đầu vào (PPI-I) và chỉ số giá sản xuất đầu ra (PPI-O) theo ngành sản phẩm; chỉ số giá sản xuất của các ngành dịch vụ phi thị trường (tính dựa trên chi phí sản xuất của những ngành này); chỉ số giá xuất, nhập khẩu và chi tiết chỉ số tiêu dùng (CPI).

Dùng SUT để đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh bằng phương pháp sản xuất cho phép áp dụng phương pháp giảm phát kép và các bước tiến hành như sau:

Bước 1: Dùng bảng nguồn theo giá cơ bản (bảng 2) và PPI-O theo ngành sản phẩm tính được chỉ tiêu giá trị sản lượng theo giá so sánh của các ngành sản phẩm vật chất và các ngành dịch vụ. Dùng chỉ số giá sản xuất đầu ra phù hợp với từng nhóm ngành sản phẩm để loại trừ yếu tố giá.

Bước 2: Dùng bảng sử dụng và các loại chỉ số giá như PPI-I theo ngành sản phẩm, chỉ số hàng nhập khẩu, chỉ số giá của các ngành dịch vụ phi thị trường để tính chuyển chi phí trung gian về giá so sánh;

Bước 3: Giá trị tăng thêm theo giá so sánh bằng hiệu của giá trị sản xuất và chi phí trung gian theo giá so sánh tính được ở các bước trên;

Bước 4: Tính thuế đánh vào sản phẩm theo giá so sánh⁽⁵⁾. Thuế đánh vào sản phẩm chia thành hai loại: thuế đánh vào sản phẩm sản xuất trong nước và thuế đánh vào hàng nhập khẩu. Cụ thể tính thuế đánh vào sản phẩm theo giá so sánh của từng loại như sau:

Đối với thuế đánh vào sản phẩm sản xuất trong nước: dùng tỷ lệ của trị giá thuế đánh vào sản phẩm sản xuất theo ngành so với sản lượng sản xuất theo ngành theo giá cơ bản của năm cần tính nhân với sản lượng sản xuất theo ngành của năm cần tính theo giá so sánh (đã tính ở bước 1).

Đối với thuế đánh vào hàng hoá nhập khẩu: dùng tỷ lệ của trị giá thuế đánh vào hàng hoá nhập khẩu theo nhóm hàng so với trị giá hàng hoá nhập khẩu của nhóm hàng đó theo giá cơ bản của năm cần tính nhân với trị giá hàng hoá nhập khẩu theo nhóm hàng của năm cần tính theo giá so sánh. Dùng chỉ số giá hàng hóa nhập khẩu để tính

chuyển hàng hóa nhập khẩu từ giá thực tế về giá so sánh theo từng nhóm hàng hóa.

Bước 5: cộng giá trị tăng thêm của các ngành theo giá so sánh với thuế theo giá so sánh thu được GDP theo giá so sánh.

Biến động giá của hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa nhập khẩu rất khác nhau, chi phí trung gian bao gồm cả hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu, khi tính chuyển chỉ tiêu chi phí trung gian từ giá thực tế về giá so sánh cần tách riêng và dùng chỉ số giá tương ứng đối với chi phí trung gian là hàng hóa sản xuất trong nước và chi phí trung gian là hàng nhập khẩu. Nghiên cứu trường hợp số liệu thống kê của nước Áo cho thấy việc giảm phát riêng biệt

sản phẩm sản xuất trong nước với sản phẩm nhập khẩu làm giảm đi việc đánh giá cao hơn hoặc thấp hơn thực tế của chỉ tiêu giá trị tăng thêm theo giá so sánh⁽⁶⁾.

Dùng bảng nguồn và sử dụng trong đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá thực tế và giá so sánh bằng phương pháp sản xuất sẽ nâng cao chất lượng tính toán của chỉ tiêu này vì nó cho phép kiểm tra chéo độ tin cậy, chất lượng và tính hợp lý của thông tin thống kê của bên sản xuất và sử dụng. Kiểm tra thông tin của từng thống kê chuyên ngành. Kích cỡ của SUT càng lớn càng đòi hỏi chi tiết các loại chỉ số giá và cho chất lượng tính càng cao.

BẢNG 1. BẢNG NGUỒN VÀ SỬ DỤNG ĐƠN GIẢN

Sản Phẩm	NGUỒN					TỔNG SỐ	SỬ DỤNG					Sản phẩm
	O	M	đc (a)	đc (b)	T		I	C	G	K	X	
	Ngành kinh tế						Ngành kinh tế					
Hàng Hóa	2240	372	10	78	113	2813	1339	636	5	391	442	Hàng Hóa
Dịch vụ	1364	84	-10	-78	20	1380	544	381	363	23	69	Dịch vụ
đc(c)		43				43		14			29	đc(c)
TỔNG SỐ	3604	499	0	0	133	4236	1883	1031	368	414	540	TỔNG SỐ

Nguồn: Theo bảng 15.1 trong cuốn Tài khoản quốc gia 1993.

- đc(a): điều chỉnh để chuyển hàng hóa nhập khẩu theo giá FOB về giá cơ bản (giá CIF);
- đc(b): điều chỉnh phí vận tải và phí thương nghiệp đối với hàng hóa (kể cả hàng nhập khẩu) lưu chuyển trong nền kinh tế, cộng với thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm để nhận được giá trị sản phẩm theo giá sử dụng.
- Các ký hiệu khác có cùng ý nghĩa với ký hiệu trong đồng nhất thức 1.

BẢNG 2. BẢNG NGUỒN

Sản Phẩm	NGUỒN							TỔNG SỐ
	O			M	đc(a)	đc(b)	T	
	Thị trường	Phi thị trường						
		Tự tiêu dùng	Khác					
Ngành kinh tế	Ngành kinh tế	Ngành kinh tế						
Hàng Hóa	2193	47		372	10	78	113	2813
Dịch vụ	884	100	380	84	-10	-78	20	1380
đc(c)				43				43
TỔNG SỐ	3077	147	380	499	0	0	133	4236

Nguồn: Theo bảng 15.1 trong cuốn tài khoản quốc gia 1993

BẢNG 3. BẢNG SỬ DỤNG

TỔNG SỐ	SỬ DỤNG											Sản Phẩm
	I			C		G		K			X	
	Thị trường	Phi thị trường										
		Tự tiêu dùng	Khác	Hộ gia đình	Vô vị lợi	Chi cho cá nhân	Chi cho cộng đồng	TS cố định	TS lưu động	TS quý hiếm		
Ngành kinh tế	Ngành kinh tế	Ngành kinh tế										
2813	1194	33	112	636		5		353	28	10	442	
1380	400	17	127	365	16	207	156	23			69	
43				14							29	đc(c)
4236	1594	50	239	1015	16	212	156	376	28	10	540	TỔNG SỐ

Nguồn: Theo bảng 15.1 trong cuốn tài khoản quốc gia 1993

1 Theo Tài khoản Quốc gia 1993, thuế dùng trong đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá thị trường là thuế sản xuất (tax on production) bao gồm thuế đánh vào sản phẩm (tax on products) và thuế sản xuất khác (tax on other production). Bạn đọc quan tâm đến vấn đề này có thể đọc phần C: tax on production and on imports, trang 169 trong cuốn System of National Accounts 1993.

2 Giá FOB của hàng hoá xuất và nhập khẩu là giá trị thị trường của hàng hoá tại cửa khẩu hải quan của nước xuất khẩu.

3 Bạn đọc quan tâm tới phân tổ chi tiết trong bảng nguồn và sử dụng có thể xem bảng 15.1 trong cuốn: "System of National Accounts, 1993"

4 Nhập khẩu hàng hóa (M) đánh giá theo giá FOB, vì vậy cần phải cộng thêm phí vận tải và bảo hiểm từ cửa khẩu hải quan của nước xuất khẩu tới cửa khẩu hải quan của nước nhập khẩu để nhận được hàng nhập khẩu theo giá cơ bản (giá CIF). Trong bảng nguồn phép cộng này có ký hiệu là đc(a) và nhận giá trị là 10.

5 Trong cuốn: “Handbook of Input-Output table Compilation and Analysis” Series F No 74. của tổng kê Liên hợp quốc có hướng dẫn cách tính thuế đánh vào sản phẩm theo giá so sánh như sau: nhân tổng nguồn theo giá cơ bản với tỷ lệ thuế của năm gốc theo từng loại sản phẩm và tách riêng sản phẩm sản xuất trong nước với sản phẩm nhập khẩu”. Cách làm này có một nhược điểm là dùng tỷ lệ thuế của năm gốc trong khi đó tỷ lệ thuế theo từng loại sản phẩm của năm cần tính có thể khác với tỷ lệ của năm gốc.

6 Mục 11.41 trong chương 11 của cuốn: “Handbook of Input-Output table Compilation and Analysis” Series F No 74.

Tài liệu tham khảo:

System of National Accounts 1993, chapter 6 chapter 7 and chapter 15;

Handbook of Input-Output Table compilation and Analysis Series F No 74, chapter II and XI.